

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định về bảo trì công trình hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 28/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 23/03/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng không.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý và bảo trì công trình hàng không bao gồm quản lý và bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan tới quản lý, bảo trì công trình hàng không và bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hàng không là công trình phục vụ cho hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, bao gồm:

a) Công trình kết cấu hạ tầng cảng hàng không theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay nằm ngoài ranh giới cảng hàng không, sân bay.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là những công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

3. Bảo trì công trình hàng không là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình hàng không theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng.

4. Quy trình bảo trì công trình hàng không là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình hàng không.

5. Kiểm tra công trình hàng không là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá công trình hàng không nhằm phát hiện các dấu hiệu hư hỏng của công trình.

6. Quan trắc công trình hàng không là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển dịch và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh.

7. Kiểm định chất lượng công trình hàng không là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của công trình hoặc một bộ phận công trình thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

8. Bảo dưỡng công trình hàng không là các hoạt động (theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình) được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình hàng không ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình.

9. Sửa chữa công trình hàng không là việc khắc phục, khôi phục, cải tạo hoặc thay thế những hư hỏng của bộ phận công trình, thiết bị, cấu kiện công trình hay toàn bộ công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình và an toàn hàng không. Sửa chữa công trình hàng không bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

10. Công trình, bộ phận công trình hàng không có biểu hiện xuống cấp về chất lượng là công trình đã xuất hiện các hư hỏng hoặc không duy trì đủ điều kiện khai thác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

11. Công trình, bộ phận công trình hàng không có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng là công trình, bộ phận công trình xuất hiện các dấu hiệu biến dạng đến giá trị giới hạn an toàn cho phép theo thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

12. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình hàng không (tuổi thọ thiết kế) là khoảng thời gian công trình được dự kiến sử dụng, bảo đảm yêu cầu về an toàn và công năng. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng có liên quan, nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình.

13. Thời hạn sử dụng thực tế của công trình (tuổi thọ thực tế) là khoảng thời gian công trình được sử dụng thực tế, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và công năng công trình.

14. Người quản lý sử dụng công trình hàng không là chủ sở hữu công trình trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền quản lý, sử dụng và khai thác trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác.

15. Doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý là doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (sau đây gọi là Nghị định số 44/2018/NĐ-CP).

Điều 3. Yêu cầu đối với công tác quản lý bảo trì công trình hàng không

1. Công trình hàng không sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa được nghiệm thu, bàn giao để tổ chức quản lý và bảo trì. Thời gian thực hiện quản lý và bảo trì được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

2. Bảo trì công trình hàng không được thực hiện theo quy định của Thông tư này, quy trình bảo trì, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì được cơ quan có thẩm quyền công bố áp dụng.

3. Bảo trì công trình hàng không phải thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với các công việc xây dựng chưa có trong hệ thống định mức, dự toán xây dựng được công bố hoặc đã có trong hệ thống định mức, dự toán xây dựng được công bố nhưng chưa phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công cụ thể của công trình được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 4. Chi phí bảo trì công trình hàng không

1. Chi phí bảo trì công trình hàng không thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì hàng không thực hiện theo các quy định của pháp luật tương ứng nguồn vốn đảm bảo cho công tác bảo trì công trình hàng không.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, việc xác định chi phí thực hiện quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo hướng dẫn của pháp luật có liên quan. Nội dung các khoản mục chi phí liên quan đến thực hiện bảo trì bao gồm:

a) Chi phí lập, thẩm tra hoặc điều chỉnh quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không;

b) Chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hàng năm, gồm: chi phí lập kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không (gồm lập kế hoạch, lập dự toán bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không, thẩm định, thẩm tra và các chi phí khác có liên quan);

c) Chi phí kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất kết cấu hạ tầng hàng không;

d) Chi phí bảo dưỡng kết cấu hạ tầng hàng không;

đ) Chi phí sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất kết cấu hạ tầng hàng không;

e) Chi phí kiểm định, đánh giá chất lượng kết cấu hạ tầng hàng không;

g) Chi phí quan trắc công trình kết cấu hạ tầng hàng không; chi phí đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành kết cấu hạ tầng hàng không trong quá trình khai thác sử dụng;

h) Chi phí tư vấn phục vụ bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không, bao gồm các chi phí: khảo sát phục vụ thiết kế sửa chữa; lập, thẩm tra thiết kế sửa chữa và dự toán chi phí bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất để lựa chọn nhà thầu; giám sát thi công sửa chữa kết cấu hạ tầng hàng không; thực hiện các công việc tư vấn khác.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Điều 5. Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không

Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

Điều 6. Quy trình bảo trì công trình hàng không

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy trình bảo trì công trình thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy trình bảo trì thực hiện như sau:

a) Đối với các công trình kết cấu hạ tầng hàng không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp:

- Nhà thầu thiết kế xây dựng hoặc nhà thầu cung cấp thiết bị lập và bàn giao quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không cho chủ đầu tư và cho doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng hàng không trước khi bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

- Đơn vị được phân cấp, ủy quyền, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, điều chỉnh quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác rà soát, lập quy trình bảo trì trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trường hợp cần thiết có thể thuê tư vấn lập quy trình bảo trì; tổ chức kiểm định chất lượng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không làm cơ sở để lập quy trình bảo trì. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Điều 7. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình hàng không

1. Tài liệu, hồ sơ phục vụ công tác bảo trì công trình hàng không bao gồm:

a) Quy trình bảo trì công trình hàng không, bản vẽ hoàn công, lý lịch thiết bị lắp đặt vào công trình và các hồ sơ, tài liệu cần thiết khác phục vụ cho bảo trì công trình hàng không;

b) Kế hoạch bảo trì;

c) Kết quả kiểm tra công trình thường xuyên và định kỳ;

d) Kết quả bảo dưỡng, sửa chữa công trình;

đ) Kết quả quan trắc, kết quả kiểm định chất lượng công trình (nếu có);

e) Kết quả đánh giá an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng (nếu có);

g) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Các tài liệu phục vụ công tác quản lý bảo trì công trình hàng không bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng công trình;

- c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo) và các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công;
 - d) Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo);
 - đ) Các kết quả quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, thử nghiệm khả năng chịu lực kết cấu công trình (nếu có) trong quá trình thi công, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các tài liệu khác có liên quan;
 - e) Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình;
 - g) Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình;
 - h) Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có);
 - i) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng của chủ đầu tư. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có);
 - k) Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có);
3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:
- a) Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao các tài liệu phục vụ bảo trì công trình hàng không cho chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình trước khi bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng.
5. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác bảo trì và bổ sung kịp thời những thay đổi của công trình hàng không.

Điều 8. Nội dung quản lý công trình hàng không

1. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật định kỳ, đột xuất sau thiên tai hoặc các tác động bất thường khác nhằm phát hiện kịp thời những hư hỏng và các vi phạm về bảo vệ an toàn công trình, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.
2. Quan trắc, dự báo tình hình biến dạng nghiêng, lún, nứt, võng,; theo dõi lưu lượng người, phương tiện vận tải và tổng hợp phân tích số liệu dưới dạng báo cáo; bảng biểu đồ họa.
3. Lập hồ sơ các vị trí nguy hiểm của công trình hàng không, các vật chướng ngại và theo dõi kết quả xử lý.
4. Tổ chức phòng chống thiên tai và xử lý các sự cố bất thường liên quan đến công trình.
5. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.
6. Cập nhật các dữ liệu có liên quan về công trình hàng không.

Điều 9. Nội dung bảo trì công trình hàng không

Nội dung bảo trì công trình hàng không bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau:

1. Kiểm tra công trình hàng không thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình.

2. Quan trắc công trình hàng không theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

3. Kiểm định chất lượng công trình hàng không phục vụ công tác bảo trì được thực hiện theo khoản 5 Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Bảo dưỡng thường xuyên công trình hàng không bao gồm các công việc được thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên công trình hàng không và quy trình bảo trì.

5. Sửa chữa công trình hàng không bao gồm:

a) Sửa chữa định kỳ: bao gồm hoạt động sửa chữa, khắc phục hư hỏng của công trình hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình nhằm khôi phục, cải thiện tình trạng kỹ thuật của công trình và đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình, hạng mục công trình;

b) Sửa chữa đột xuất được thực hiện khi công trình, bộ phận công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như thiên tai, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi công trình, công trình bộ phận có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng công trình..

c) Các công việc đặc thù khác.

6. Bảo trì công trình hàng không thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm được duyệt theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 10. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý và bảo trì công trình hàng không

1. Việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong quản lý, bảo trì công trình hàng không phải tuân thủ theo quy định tại Điều 6 Luật Xây dựng và các quy định có liên quan.

2. Việc áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý và bảo trì công trình hàng không thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, pháp luật về quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng quy định tại Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Trách nhiệm quản lý và bảo trì công trình hàng không

1. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

a) Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý công trình hàng không, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý bảo đảm an toàn khai thác và hoạt động vận tải hàng không thông suốt và kế hoạch bảo trì được giao

b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý và bảo trì công trình hàng không.

c) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý và bảo trì công trình hàng không theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của các đơn vị được phân cấp, ủy quyền và doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

a) Tổ chức thực hiện việc quản lý, khai thác và bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được giao quản lý, bảo đảm an toàn khai thác và hoạt động vận tải hàng không thông suốt theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì được giao theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình hàng không;

3. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không tự đầu tư có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình do mình quản lý, bảo đảm an toàn khai thác và hoạt động vận tải hàng không thông suốt;

b) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình hàng không;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hoặc xuống cấp của công trình do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định.

4. Đối với công trình hàng không đầu tư theo hình thức đối tác công tư thì nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian sử dụng theo hợp đồng dự án; hết thời gian sử dụng, người được giao tiếp nhận quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không từ nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có trách nhiệm tiếp tục bảo trì công trình.

5. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng có thời hạn, thuê quyền khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng hàng không chịu trách nhiệm quản lý kết cấu hạ tầng hàng không và bảo trì công trình hàng không theo hợp đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hay xuống cấp của công trình do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định.

Chủ sở hữu khi cho tổ chức, cá nhân thuê hoặc giao quản lý, sử dụng công trình hàng không phải có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm bảo trì công trình hàng không trong hợp đồng cho thuê, giao quản lý, khai thác, sử dụng.

6. Chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình có trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện bảo trì công trình hàng không.

7. Trách nhiệm của các nhà thầu quản lý và bảo trì công trình hàng không: thực hiện việc quản lý và bảo trì công trình được giao theo quy định của Thông tư này, quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình, nội dung hợp đồng đã ký.

Điều 12. Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình hàng không

1. Nội dung kế hoạch bảo trì công trình hàng không bao gồm kế hoạch bảo dưỡng; kế hoạch sửa chữa định kỳ; sửa chữa đột xuất; kiểm định chất lượng; quan trắc công trình hàng không; dự phòng.

2. Kế hoạch bảo trì công trình hàng không phải được nêu đầy đủ các thông tin sau:

- Tên hạng mục công việc;
- Đơn vị;
- Khối lượng;
- Kinh phí dự kiến;
- Thời gian thực hiện;
- Phương thức thực hiện;
- Mức độ ưu tiên.

Nội dung kế hoạch bảo trì công trình hàng không theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Kế hoạch bảo trì công trình hàng không có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình quyết định việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng không.

4. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình hàng không lập kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý:

a) Hàng năm, căn cứ tình trạng kỹ thuật của công trình, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử bảo trì công trình, các thông tin và dữ liệu khác, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn vị được phân cấp, ủy quyền, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không rà soát, tổng hợp, lập kế hoạch và dự toán kinh phí nhu cầu bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không địa của năm sau báo cáo Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 30 tháng 5 hàng năm. Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận kế hoạch nhu cầu bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cho năm sau trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Nội dung kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo mẫu tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Căn cứ danh mục nhu cầu bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận, đơn vị được phân cấp, ủy quyền và doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình báo cáo Bộ Giao thông vận tải trước 01 tháng 11 hàng năm;

c) Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt kế hoạch bảo trì và nguồn kinh phí thực hiện theo quy định.

d) Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung công trình, hạng mục công trình ngoài kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã phê duyệt, đơn vị được phân cấp, ủy quyền và doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không báo cáo Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương, danh mục bổ sung và tổng hợp kế hoạch bảo trì điều chỉnh, bổ sung trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

Điều 13. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không

1. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không: Trên cơ sở kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm được phê duyệt, quy trình bảo trì công trình được duyệt, chủ sở hữu, đơn vị được phân cấp, ủy quyền hoặc người quản lý, khai thác công trình hàng không tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì công trình.

2. Kiểm tra thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không:

a) Bộ Giao thông vận tải xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không được phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Chủ sở hữu, đơn vị được phân cấp, ủy quyền hoặc người quản lý, khai thác công trình hàng không báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không về Cục Hàng không Việt Nam (hàng năm trước ngày 20 tháng 12) theo mẫu tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Nội dung báo cáo phải nêu được đầy đủ tên công trình, hạng mục công trình; khối lượng và kinh phí; thời gian hoàn thành; những điều chỉnh, phát sinh so với kế hoạch được giao; đánh giá kết quả; đề xuất và kiến nghị trong quá trình thực hiện.

d) Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không về Bộ Giao thông vận tải (hàng năm trước ngày 25 tháng 12) theo mẫu tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Quan trắc công trình hàng không

1. Công trình, bộ phận công trình hàng không bắt buộc quan trắc bao gồm:

a) Công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu kỹ thuật máy bay (hangar), kho hàng hóa, các công trình kết cấu nhịp lớn dạng khung khác và cơ sở bảo đảm hoạt động bay.

b) Công trình, bộ phận công trình hàng không có dấu hiệu lún, nứt, nghiêng và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ, mất an toàn trong quá trình khai thác sử dụng.

c) Theo yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình.

2. Nội dung quan trắc đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều này được quy định trong quy trình bảo trì công trình hàng không bao gồm: các vị trí quan trắc, thông số quan trắc và giá trị giới hạn của các thông số này (ví dụ: biến dạng nghiêng, lún, nứt, võng, ...), thời gian quan trắc, số lượng chu kỳ đo và các nội dung cần thiết khác.

3. Yêu cầu chung đối với công tác quan trắc công trình hàng không trong quá trình khai thác, sử dụng:

a) Nhà thầu quan trắc lập phương án quan trắc phù hợp với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; trong đó quy định về phương pháp đo, thiết bị đo, sơ đồ bố trí và cấu tạo các mốc quan trắc, tổ chức thực hiện, phương pháp xử lý số liệu đo và các nội dung cần thiết khác trình người có trách nhiệm bảo trì công trình phê duyệt.

b) Nhà thầu quan trắc phải thực hiện quan trắc theo phương án quan trắc được phê duyệt và báo cáo người có trách nhiệm bảo trì về kết quả quan trắc. Các số liệu quan trắc phải được so sánh, đánh giá với giá trị giới hạn do nhà thầu thiết kế xây dựng công trình quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng có liên quan.

Trường hợp số liệu quan trắc quy định tại khoản 2 Điều này vượt giá trị giới hạn cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường khác thì người có trách nhiệm bảo trì phải tổ chức đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng và có biện pháp xử lý kịp thời.

c) Tổ chức, cá nhân thực hiện việc quan trắc phải có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng tương đương với điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát xây dựng hoặc kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

Điều 15. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình hàng không

Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình hàng không chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Thực hiện bảo trì đối với công trình hàng không đang khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì

Đối với công trình hàng không như công trình khu bay (bao gồm cả các công trình đảm bảo bay); nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu kỹ thuật máy bay (hangar), kho hàng hóa,.... đang khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình thực hiện các công việc sau:

1. Khảo sát, kiểm tra và đánh giá chất lượng hiện trạng công trình; tổ chức kiểm định chất lượng nếu thấy cần thiết để làm cơ sở lập quy trình bảo trì.
2. Tổ chức lập quy trình bảo trì theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.
3. Trong thời hạn chưa ban hành quy trình bảo trì riêng cho công trình, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có thể áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình của công trình, hạng mục công trình tương tự phù hợp để thực hiện bảo trì công trình cho đến khi ban hành quy trình riêng cho công trình do mình quản lý. Trường hợp cần thiết có thể thuê tư vấn đánh giá sự phù hợp trước khi áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình của công trình, hạng mục công trình tương tự phù hợp.
4. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có thể tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì sử dụng chung cho các công trình, hạng mục công trình có tính chất tương tự nhau về kết cấu, vật liệu, tại nhiều Cảng hàng không, sân bay để áp dụng trong công tác bảo trì.

Điều 17. Đánh giá an toàn chịu lực công trình hàng không trong quá trình khai thác, sử dụng

1. Trong quá trình khai thác, sử dụng, các công trình hàng không cấp đặc biệt và cấp I sau đây phải được tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình: Nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu kỹ thuật máy bay (hangar), kho hàng hóa, các công trình kết cấu nhịp lớn dạng khung khác và cơ sở bảo đảm hoạt động bay.
2. Nội dung, tần suất đánh giá được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc trong quy trình bảo trì công trình hàng không được duyệt.
3. Việc đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình hàng không trong quá trình khai thác, sử dụng được thực hiện bởi tổ chức kiểm định xây dựng có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

Điều 18. Quy định về xử lý công trình hàng không hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình xác định thời hạn sử dụng của công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình.

Trường hợp hồ sơ thiết kế của công trình bị mất hoặc không quy định tuổi thọ thì người có trách nhiệm bảo trì công trình tổ chức thực hiện việc xác định tuổi thọ thiết kế của công trình theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với công trình hoặc căn cứ theo tuổi thọ đã được xác định của công trình tương tự cùng loại và cấp.

2. Công trình hàng không hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải thực hiện các công việc quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình.

3. Căn cứ kết quả thực hiện các công việc quy định tại khoản 2 Điều này và ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình quyết định và chịu trách nhiệm về việc tiếp tục sử dụng công trình.

Điều 19. Xử lý đối với công trình hàng không có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, quan trắc để kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.

2. Khi phát hiện hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tạm dừng khai thác, sử dụng công trình và có trách nhiệm thực hiện các công việc quy định tại Khoản 1 Điều 40 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Điều 20. Báo cáo, kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam báo cáo việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng hàng không thực hiện báo cáo định kỳ các nội dung như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không.

b) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo năm.

d) Tần suất thực hiện báo cáo: 02 lần trong năm.

đ) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 20 tháng 6 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 20 tháng 12 của năm báo cáo đối với báo cáo năm.

e) Biểu mẫu báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.
2. Bãi bỏ Thông tư số 48/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng không.
3. Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 29/10/2020 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT (10)

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

Phụ lục 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Căn cứ Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của về việc¹;

Hôm nay, ngày... tháng... năm...., tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận:

TT	Danh mục tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng / khối lượng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất (m ²) ²	Diện tích sàn sử dụng (m ²) ³	Nguyên giá (nghìn đồng) ⁴	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản ⁵	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng									
I	Kết cấu hạ tầng sân bay									
1	Đường băng									
1.1										
1.2										

									
2	Hàng rào									
2.1										
2.2										
									
	Công trình cung cấp II dịch vụ bảo đảm hoạt động bay									
1	Tài sản A									
	Tài sản B									
	Tổng cộng:									

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:

b) Trách nhiệm của Bên nhận:

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ số, ngày tháng, trích yếu Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc giao tài sản/thu hồi tài sản/điều chuyển tài sản/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư).

² Diện tích đất kê khai tại cột số 6 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

³ Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

⁴ Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 8, cột 9 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

⁵ Tình trạng tài sản tại cột 10 ghi: Đang sử dụng, hỏng.

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG NĂM ...

(Ban hành kèm theo Văn bản/Quyết định số ... ngày ... của...)

TT	Tên hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
1	Bảo dưỡng						
2	Sửa chữa định kỳ						
3	Sửa chữa đột xuất						
4	Kiểm định chất lượng						
5	Quan trắc						
6	Dự phòng						
	Tổng cộng						

Phụ lục 03

KẾ HOẠCH BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG NĂM ...

(Ban hành kèm theo Văn bản số ... ngày ... của...)

TT	Tên hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Hình thức bảo trì	Mức độ ưu tiên
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Bảo dưỡng								
2	Sửa chữa định kỳ								
3	Sửa chữa đột xuất								
4	Kiểm định chất lượng								
5	Quan trắc								
6	Dự phòng								
	Tổng cộng								

Phụ lục 04

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG NĂM ...

(Ban hành kèm theo Văn bản số ... ngày ... của...)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tổng kinh phí dự kiến	Bảo dưỡng	Sửa chữa định kỳ	Sửa chữa đột xuất	Kiểm định chất lượng	Quan trắc	Dự phòng	Tổng kinh phí thực hiện	Mức độ hoàn thành (%)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>

Phụ lục 05

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG
KHÔNG NĂM ...**

(Ban hành kèm theo Văn bản số ... ngày ... của Cục Hàng không Việt Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Số Quyết định phê duyệt Kế hoạch bảo trì hoặc Văn bản báo cáo Kế hoạch bảo trì năm ...	Tổng kinh phí dự kiến	Bảo dưỡng	Sửa chữa định kỳ	Sửa chữa đột xuất	Kiểm định chất lượng	Quan trắc	Dự phòng	Tổng kinh phí thực hiện	Mức độ hoàn thành (%)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>

Phụ lục 06

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

**Định kỳ kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì
kết cấu hạ tầng hàng không 6 tháng năm /năm**

(Từ ngày .../.../..... đến ngày .../.../.....)

Kính gửi:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Hàng không Việt nam.

Thực hiện quy định tại Thông tư số ... ngày ... của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng không, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không 6 tháng năm/ năm như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG 6 THÁNG NĂM / NĂM

1. Nhiệm vụ thực hiện:

2. Kết quả thực hiện:

TT	Tên hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí được phê duyệt (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Hình thức bảo trì	Kinh phí đã thực hiện (triệu đồng)	Mức độ ưu tiên
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Bảo dưỡng								
2	Sửa chữa định kỳ								

3	Sửa chữa đột xuất								
4	Kiểm định chất lượng								
5	Quan trắc								
6	Dự phòng								
	Tổng cộng								

3. Khối lượng, kinh phí được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt hoặc điều chỉnh trong kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không:

.....

4. Chất lượng thực hiện, kết quả nghiệm thu, thanh toán:

.....

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)